Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8405.90.00

Mã HS	8405.90.00
Mô tả hàng hóa	Máy sản xuất chất khí hoặc hơi nước, có hoặc không kèm theo bộ lọc; máy sản xuất khí axetylen và các loại máy sản xuất chất khí theo quy trình xử lý bằng nước tương tự, có hoặc không kèm theo bộ lọc / - Bộ phận
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 19:28:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84059000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12860
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12860
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12860
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12135
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12078
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12078
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12078
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12078
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12078
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12078
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12130
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12130
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12130

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12130
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12130
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12130
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12131
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12131
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12131
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12131
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12131
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12131
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12134
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12084
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12090
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12090
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12090
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12090
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12090
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12090
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12123
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12123
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12123
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12123
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12123
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12123
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12168
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12168
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12168

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12168
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12168
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12168
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12153
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12153
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12153
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12153
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12153
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12153
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12153
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12153
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12153
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12153
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12153
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12153
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12170
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12170
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12170
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12170
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12170
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12170
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12169
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12169
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12169
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12169
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12169

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12169
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12116
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12116
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12116
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12116
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12116
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12116
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12116
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12153
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12153
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12153
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12153
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12153
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12153
RCEP B	2022	2022	0	B!D12153
RCEP B	2023	2023	0	B!E12153
RCEP B	2024	2024	0	B!F12153
RCEP B	2025	2025	0	B!G12153
RCEP B	2026	2026	0	B!H12153
RCEP B	2027	2027	0	B!I12153
RCEP C	2022	2022	0	C!D12153
RCEP C	2023	2023	0	C!E12153
RCEP C	2024	2024	0	C!F12153
RCEP C	2025	2025	0	C!G12153
RCEP C	2026	2026	0	C!H12153
RCEP C	2027	2027	0	C!I12153

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12152
RCEP D	2023	2023	0	D!E12152
RCEP D	2024	2024	0	D!F12152
RCEP D	2025	2025	0	D!G12152
RCEP D	2026	2026	0	D!H12152
RCEP D	2027	2027	0	D!I12152
RCEP E	2022	2022	0	E!D12156
RCEP E	2023	2023	0	E!E12156
RCEP E	2024	2024	0	E!F12156
RCEP E	2025	2025	0	E!G12156
RCEP E	2026	2026	0	E!H12156
RCEP E	2027	2027	0	E!I12156
RCEP F	2022	2022	0	F!D12153
RCEP F	2023	2023	0	F!E12153
RCEP F	2024	2024	0	F!F12153
RCEP F	2025	2025	0	F!G12153
RCEP F	2026	2026	0	F!H12153
RCEP F	2027	2027	0	F!I12153
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11236
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11236
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11236
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11236

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8405.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8405.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12860), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.